

Số: 1087/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường, lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 279/TTr-STNMT ngày 22 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường, lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, TT.PVHCC, CVNC;
- Lưu: VT, hvathien.

K. CHỦ TỊCH
B. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/ UBND CẤP HUYỆN/
UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1087 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã

a. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép môi trường	- Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ); - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); - Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức thu, chế

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại.</p>			<p>độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang);</p> <p>- Công văn số 3005/VP-KT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND tỉnh (Công văn số 3005/VP-KT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang).</p>
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	Tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang;</p> <p>- Công văn số 3005/VP-KT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Kiên Giang.
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; - Công văn số 3005/VP-KT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: <i>Giấy phép hết hạn và Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư.</i> - Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: <i>Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập</i> 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; - Công văn số 3005/VP-KT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.			

b. Thủ tục hành chính cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép môi trường	<p>- Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND huyện, thành phố	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang;</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp còn lại.			
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	Tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND huyện, thành phố	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang;
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND huyện, thành phố	Thực hiện theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang;
4	Cấp lại giấy phép môi trường	- Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:	Trung tâm Phục vụ hành chính	Thực hiện theo Nghị quyết số	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p><i>Giấy phép hết hạn.</i></p> <p>- Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: <i>Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) và Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn.</i></p> <p>Trong đó, tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,</p>	<p>công tỉnh Kiên Giang</p>	<p>18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang</p>	<p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang;</p>

		+ Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn	UBND cấp xã		
--	--	---	-------------	--	--

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 của Bộ Tài chính	- Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ.
2	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	- Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Thời hạn trả kết quả: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang	Không quy định	- Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II Thời hạn trả kết quả: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ.

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.	- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: + Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND cấp tỉnh (quy định tại	Trung tâm Phục vụ hành chính công Kiên Giang	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 537/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh Kiên Giang	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường). <i>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</i>			Tài nguyên và Môi trường;
2	Thẩm định phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐCP sửa đổi bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP) số 08/2022/NĐ-CP)	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	<i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. <i>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ:</i> Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018



STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; - Công văn số 3005/VP-KT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang.

4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ UBND cấp huyện

a. Thủ tục cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường

4/22

4	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường

b. Thủ tục cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020	UBND cấp huyện

